

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/10/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+VSP02+RP2	7:25	22+0+0	0+0+0		15+0+7	0+0+0	chuyen 1 VSP02-RP2
2		RCDM+RP1+RP2	7:25	7+1+14	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
3		RC3+RP2	9:25	7+15	0+0		6+15	0+0	
4		MRM+RP2+CTC1	9:25	1+10+11	0+0+0		0+8+12	0+0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - VSP02 - RP2	CREW: T.Trung - N.ANH - THU -	ETA: 09:20
XANH-I		N.Cuong	

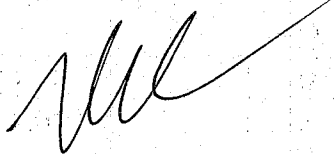
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUONG NGUYEN NGOC	TD5	55	1	4		86	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN NHU Y	TD5					82	KHOAN	Vietnamese
3	DINH VAN SU	TD5					85	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN HIEN	TD5	66	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	LE XUAN DUONG	TD5	65	1	6	60	71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUY KHANH	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN CHIEN THIANG	TD5	15-16	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
8	VU XUAN ANH	TD5	11	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HIEN	TD5	12	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
10	LAM VAN HANH	TD5	20	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
11	MAI DAI HAI	TD5	54	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN DAI DUONG	TD5	21	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM DANG KHOI	TD5	68-69	2	17		84	KHOAN	Vietnamese
14	CAO XUAN VINH	TD5	13	1	15		80	PVDWS	Vietnamese
15	NGUYEN HUNG QUAN	TD5	61	1	10		72	D-HANH	Vietnamese
16	LE HUU HAU	TD5	67	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
17	DINH CHI CONG	TD5	17	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MINH TIEN	TD5	2000	1	8		93	KHOAN	Vietnamese
19	DUONG MANH QUYET	TD5	14	1	15		92	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LINH	TD5	53	1	12		65	DVL	Vietnamese
21	DUONG MINH VIET	TD5	18-19	2	10		60	DVL	Vietnamese
22	HO VAN ANH	TD5					75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	21	162	1.646	60	15		CHUYEN 01 PAX VSP02 SANG RP2
2	VSP02	0	0	0	0	0	0	1	
3	RP2	0	0	0	0	65	7		
TOTAL		22	21	162	1.646	125	22		
WEIGHT KG				162	1.646	125			

GRAND TOAL: 1.933 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/10/2022	TO: RCDM - RP1 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: MTHAO - Nam - Toan	ETA: 09:25
CAM-1			

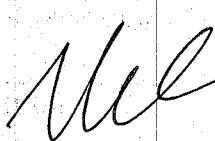
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN HOA	RCDM	60	1	20		55	XAYIAP	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC NGOC	RCDM	58-59	2	10		50	XAYIAP	Vietnamese
3	DOAN VAN THANH	RCDM	61-62	2	20	15	65	XAYIAP	Vietnamese
4	DUONG THANH TUAN	RCDM	65	1	10	12	59	XAYIAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TOAN	RCDM	63-64	2	20		60	XAYIAP	Vietnamese
6	HO XUAN HOAN	RCDM	68	1	9	15	62	XAYIAP	Vietnamese
7	NGO TIEN KHA	RCDM	57	1	5		75	PSV	Vietnamese
8	HOI HAI OB A. B.	RP1				25	94	KH-THAC	Russian
9	PHAM VAN BAN	RP2	47	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	VO TUAN ANH	RP2	59-60	2	20		58	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HUU NAM	RP2	57	1	6		69	GETRACO	Vietnamese
12	ĐINH DOAN TUNG	RP2	55	1	5		63	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUONG	RP2	58	1	10		68	GETRACO	Vietnamese
14	TA QUANG HANH	RP2	56	1	5		71	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYEN KHAC SANG	RP2	51	1	5	60	69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH DUY	RP2	46	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET HUNG	RP2	50	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN QUOC KHANH	RP2	48-49	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC VINH	RP2	45	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
20	DOAN VAN THIEM	RP2	53	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
21	DAO VAN TUAN	RP2	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN DAT	RP2	54	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

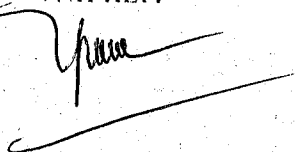
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	7	10	94	426	42	0		
2	RP1	1	0	0	94	25	1		
3	RP2	14	16	92	951	60	21		
TOTAL		22	26	186	1.471	127	22		
WEIGHT KG				186	1.471	127			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

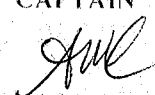
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/10/2022	TO: RC3 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - THU -	ETA: 11:40
CAM-2		N.Cuong	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO NG. HONG THANH	RC3	69	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
2	TA VAN VIET	RC3	63	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET HUNG	RC3	66-67	2	13		95	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM QUANG LOI	RC3	68	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG HOANG ANH	RC3	65,44	2	13	70	80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TAN HONG	RC3	70	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN QUYEN	RC3	64	1	3		57	GETRACO	Vietnamese
8	THAI VAN TUAN	RP2	36	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	DO VAN DUNG	RP2	33	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC TAN	RP2	34	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THÀNH	RP2	43	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG QUOC VUONG	RP2	37	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DUY QUYEN	RP2	28	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
14	LE CHI CUONG	RP2	32	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐANG XUAN KHOA	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM BA HOANG	RP2	41-42	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN Y	RP2	31	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TUNG	RP2	44	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH DUONG	RP2	35	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
20	DINH VAN QUAN	RP2	29-30	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
21	LE CONG MINH HIEU	RP2	39-40	2	11		87	KH-THAC	Vietnamese
22	DAO VIET HAI	RP2	38	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

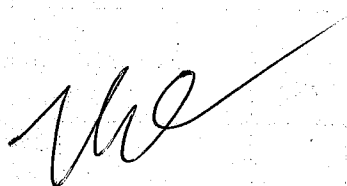
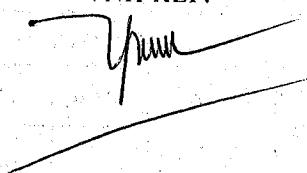
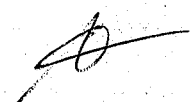
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	7	9	57	532	70	6		
2	RP2	15	17	107	1.009	0	15		
TOTAL		22	26	164	1.541	70	21		
WEIGHT KG				164	1.541	70			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	TO: MRM - RP2 - CTCI	CREW: MTHAO - Nam - Toan	ETA: 11:45
XANH - 2			

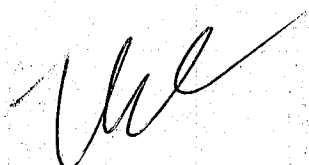
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DUC	MRM	70	1	14	50	77	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG MINH KIEN	RP2	15	1	13		66	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN DUC DOAI	RP2	11	1	1		61	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN DUC TINH	RP2	12-13	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN TAI	RP2	10	1	8		77	GETRACO	Vietnamese
6	VU HOANG QUAN	RP2	16	1	4		55	GETRACO	Vietnamese
7	VU DINH GIANG	RP2	09	1	7		62	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYEN VAN KIEN	RP2	07	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
9	LE NGOC ANH	RP2	17	1	5		79	GETRACO	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LAM	RP2	08	1	5		71	GETRACO	Vietnamese
11	NGUYEN DUC THANG	RP2	14	1	12		65	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN DUC HAI	CTCI	40	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VAN NINH	CTCI	36	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUY CONG	CTCI	37	1	4	30	50	KH-THAC	Vietnamese
15	USATENKO DMITRII	CTCI	42	1	12		100	KHOAN	Russian
16	TRUONG QUOC THANG	CTCI	31-32	2	18		78	KHOAN	Vietnamese
17	MAI VAN DUONG	CTCI	35	1	12		86	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN NGOC	CTCI	41	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
19	TRUONG MINH KHANH	CTCI	23	1	14		72	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN CONG TUYEN	CTCI	39	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN VAN HUYEN	CTCI	33	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGO TUAN ANH	CTCI	34	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	1	1	14	77	50	0		
2	RP2	10	11	78	664	0	8		
3	CTCI	11	12	97	811	30	12		
TOTAL		22	24	189	1.552	80	20		
WEIGHT KG				189	1.552	80			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.



VNIS REP.



CAPTAIN

